

Số: /BC-SYT

Kon Tum, ngày 04 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO

**Đề xuất chủ trương đầu tư Dự án:
Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai
(Hạng mục: Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện 60 giường bệnh)**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-BXD ngày 14/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2018;

Căn cứ Thông báo số 899-TB/TU ngày 14-5-2019 của Tỉnh ủy Kon Tum thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về đánh giá việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 09-01-2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về triển khai thực hiện các lĩnh vực đột phá năm 2019”;

Căn cứ Văn bản số 194-CV/BCSD ngày 16/5/2019 của Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tham mưu Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 1417/UBND-HTKT ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc triển khai thực hiện các lĩnh vực đột phá trong năm 2019 theo Thông báo số 899-TB/TU ngày 14/5/2019 của Tỉnh ủy Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 40/2005/QĐ-BYT ngày 30/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Tiêu chuẩn thiết kế Bệnh viện quận, huyện - Tiêu chuẩn ngành;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ- UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Thông báo số 03/TB-UBND ngày 06/02/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về giới thiệu vị trí đất xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Ia H'Drai;

Căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4470:2012 Bệnh viện đa khoa – tiêu chuẩn thiết kế;

Căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9213:2012 Bệnh viện quận huyện – tiêu chuẩn thiết kế;

Và các quy định khác về đầu tư xây dựng có liên quan.

Huyện Ia H'Drai được thành lập trên cơ sở chia tách từ huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum theo Nghị quyết số 890/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 13; có diện tích tự nhiên 98.021,81 ha, dân số 11.644 người, sinh sống tại 28 điểm dân của 21 thôn thuộc 03 xã: Ia Toi, Ia Đal, Ia Dom. Sau 5 năm thành lập, hạ tầng kinh tế, xã hội của huyện đã và đang từng bước được đầu tư xây dựng, bộ mặt trung tâm huyện dần hình thành. Tuy nhiên, Trung tâm Y tế huyện mới chỉ được đầu tư tạm trụ sở làm việc với diện tích 266 m², chưa được đầu tư xây dựng bệnh viện nên đơn vị phải sử dụng các phòng làm việc hiện có để thực hiện chức năng khám, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu dung điều trị bệnh nhân nội trú và triển khai các danh mục kỹ thuật theo quy định. Với những khó khăn trên Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai đã có Văn bản số 765/UBND-TH ngày 28/12/2018 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Sở Y tế đề nghị đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai; Sở Y tế đã lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Sở Kế hoạch đầu và Đầu tư thẩm định. Tuy nhiên do dự án chưa có trong danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nên chưa có cơ sở trình cấp thẩm quyền thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư. Để hoàn thiện các bước về thủ tục đất đai, môi trường ... trong năm 2020 và bắt đầu đầu tư vào năm 2021. Sở Y tế kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (Hạng mục: Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện 60 giường bệnh), với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Dự án nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (*Hạng mục: Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện 60 giường bệnh*),

2. Chủ đầu tư: Sở Y tế tỉnh Kon Tum.

3. Sự cần thiết phải đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư.

a) Sự cần thiết phải đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư:

Năm 2016, Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai được đầu tư xây dựng (Giai đoạn 1) với quy mô Khôi nhà làm việc: 266m²; Khôi nhà phụ trợ: nhà bếp, nhà vệ sinh, hàng rào, sân đường bê tông, hệ thống cấp điện nước, san nền, với tổng mức đầu tư là 03 tỷ đồng từ nguồn Trung ương hỗ trợ chia tách huyện (Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 30/06/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (Giai đoạn 1)).

- Kết quả khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai trong 2 năm 2018 và 2019 (tuyến huyện):

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Đạt %
01	Số cơ sở	1	1	1	100
02	Giường bệnh	40	50	50	100
03	Tổng số lần KCB	6.915	8.500	6.462	76,0
04	Tổng số BN điều trị nội trú	1.364	1.800	939	52,2
05	Tổng số ngày điều trị nội trú	7.317	10.950	4.773	43,6
06	Tổng số BN điều trị ngoại trú	5.551	6.700	5.523	82,4
07	Công suất sử dụng giường bệnh	50,1	60	26,2	43,7
08	Tổng số xét nghiệm	6.059	-	5.263	-
09	Tổng số siêu âm	273	-	1.228	-
10	Khám sức khỏe	418	-	382	-

- Về tình hình khám chữa bệnh 3 tháng đầu năm 2020:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Tuyến huyện	Tuyến xã
1	Số lượt khám	Lượt	1.358	1.303	550
2	Khám và điều trị ngoại trú	Lượt	1.211	1.156	550
3	Khám và điều trị nội trú	Lượt	147	147	0
4	Tổng số ngày điều trị nội trú	Ngày	811	811	0
5	Tổng số giường kế hoạch	Lượt	65	50	15 (giường lưu)
6	Công suất sử dụng giường bệnh	%	-	16,2	-
7	Chuyển viện	Lượt	113	113	00

Với cơ sở hạ tầng hiện có phục vụ cho việc khám và điều trị tại trung tâm y tế huyện hầu như chưa được đầu tư, do thiếu phòng điều trị nên việc thu dung,

điều trị cho bệnh nhân nội trú phải nằm tại hành lang và các phòng che tạm, điều kiện tạm bợ nên ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng điều trị và tạo tâm lý không thoải mái, yên tâm của người bệnh. Xuất phát từ những khó khăn trên, việc đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Ia H'Drai là hết sức cần thiết.

b) Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

Bệnh viện Đa khoa huyện Ia H'Drai thuộc Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai theo quy hoạch đã được xác định vị trí khu đất nằm ngay cạnh trục giao thông Quốc lộ 14C nối từ thành phố Plei Ku đi huyện Ngọc Hồi, khá gần với khu vực trung tâm của thị trấn huyện lỵ, có diện tích khoảng 05 ha. Hiện đã được đầu tư xây dựng một số hạng mục thuộc Trung tâm Y tế huyện và một số cán bộ ngành y tế cũng đã bắt đầu phục vụ bệnh nhân tại đây, khi đưa vào hoạt động đảm bảo quy hoạch; dự án cũng nằm trong khuôn viên đất đã được quy hoạch bệnh viện, phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện và quy hoạch phát triển ngành.

4. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư.

a) Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa huyện Ia H'Drai đạt tiêu chuẩn bệnh viện đa khoa hạng III (60 giường bệnh) nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trong khu vực và khu vực lân cận vùng biên giới giáp với tỉnh Kon Tum của nước bạn Cam Pu Chia, đồng thời giảm bớt sự quá tải của tuyến trên, từng bước nâng cao chất lượng khám chữa bệnh trên địa bàn nói riêng cũng như toàn tỉnh Kon Tum nói chung.

b) Qui mô đầu tư: Bệnh viện Đa khoa hạng III; Quy mô 60 giường bệnh.

- Quy mô công trình của Bệnh viện Đa khoa huyện Ia H'Drai: Diện tích sàn xây dựng khoảng **7.200 m²**, gồm các khu chức năng và các chuyên khoa sau:

- + Khoa Khám và điều trị ngoại trú;
- + Khu Điều trị nội trú;
- + Khu Kỹ thuật nghiệp vụ;
- + Khu Hành chính quản trị;
- + Khu Hậu cần kỹ thuật và Dịch vụ tổng hợp.

- Ngoài ra, còn có các hạng mục phụ trợ khác bao gồm:

+ Đường giao thông nội bộ phải được thiết kế theo tiêu chuẩn dành cho xe cấp cứu, xe vận chuyển vật tư và xe chữa cháy (*tới được tất cả các khu vực*); Diện tích sân, đường nội bộ từ 25% đến 30% tổng diện tích khu đất;

- + Diện tích cây xanh, bồn hoa không nhỏ hơn 35% tổng diện tích khu đất;
- + Công, hàng rào bảo vệ xung quanh cao tối thiểu 1,8m;

+ Hệ thống hành lang, đường dốc, nhà cầu nổi phải được thiết kế có mái che theo tiêu chuẩn dành cho người đi bộ, người khuyết tật, xe đẩy cáng, xe lăn và đảm bảo liên hệ thuận tiện giữa các khối công trình;

(Chi tiết các khu chức năng, các chuyên khoa và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Đa khoa huyện Ia H'Drai tại phụ lục kèm theo)

c) Địa điểm và phạm vi đầu tư:

- Địa điểm: Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.
- Phạm vi đầu tư: Đầu tư xây dựng trong khuôn viên đất đã được quy hoạch.

d) Loại và Cấp công trình: Công trình y tế, cấp III.

5. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư.

a) Các căn cứ pháp lý xác định tổng mức đầu tư:

*** Phương pháp xác định chi phí xây dựng:**

- Xác định khối lượng xây dựng tính theo thiết kế sơ bộ nhân với suất đầu tư xây dựng (tham khảo suất đầu tư ở địa phương) như:

+ *Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Hồi đã phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và đã triển khai xây lắp;*

+ *Trụ sở làm việc Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai tỉnh Kon Tum đã thi công xong.*

*** Các căn cứ xác định các chi phí trong tổng mức đầu tư:**

- Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ quy định quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình”;

- Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/2/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

- Thông tư số 329/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động xây dựng;

- Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý, và sử dụng phí thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy đầu tư xây dựng;

- Quyết định số 44/QĐ-BXD ngày 14/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2018.

b) Giá trị dự toán của hạng mục đầu tư: 112.775.686.100 đồng

(Bằng chữ: Một trăm mười hai tỷ, bảy trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, một trăm đồng chẵn)

- Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	69.608.660.000 đồng.
+ Chi phí thiết bị:	20.878.000.000 đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	1.919.674.000 đồng.
+ Chi phí tư vấn ĐTXD:	4.764.171.000 đồng.
+ Chi phí khác:	895.309.000 đồng.
+ Chi phí dự phòng:	14.709.872.100 đồng.

(Chi phí dự phòng chỉ tính cho yếu tố trượt giá và phát sinh, chưa tính 10% tiết kiệm tổng mức đầu tư của dự án theo Nghị Quyết 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ).

- Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư.

- Thời gian chuẩn bị đầu tư: Quý II năm 2020.

- Thời gian thực hiện đầu tư: Từ năm 2021.

7. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành:

Bảng 1

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	ĐVT	QUY MÔ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	San nền	TB	1	700.000.000	700.000.000
2	Khoa khám và điều trị nội trú	m2	734	7.000.000	5.138.000.000

3	Khu điều trị nội trú	m2	2.652	7.000.000	18.564.000.000
4	Khu kỹ thuật nghiệp vụ	m2	2.766	7.300.000	20.191.800.000
5	Khu hành chính quản trị	m2	497	7.000.000	3.479.000.000
6	Khu hận cần kỹ thuật và dịch vụ tổng hợp	m2	551	7.000.000	3.857.000.000
7	Hệ thống hành lang, đường dốc, nhà cầu dẫn	TB	1	600.000.000	600.000.000
8	Công hàng rào -Sân đường nội bộ				
8.1	Công hàng rào song sắt	m	946	2.800.000	2.648.800.000
8.2	Sân đường nội bộ	m2	3.600	320.000	1.152.000.000
8,3	Cây xanh thảm cỏ	m2	4.000	180.000	720.000.000
9	Bể nước ngầm 100 m3	m3	100	3.300.000	330.000.000
10	Hệ thống PCCC	HT	1	700.000.000	700.000.000
11	Hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà	HT	1	500.000.000	500.000.000
12	Giếng khoan sâu 100m	Giếng	1	300.000.000	300.000.000
13	Hệ thống điện tổng thể	HT	1	1.700.000.000	1.700.000.000
14	Hệ thống mạng, điện thoại, camera, truyền hình	HT	1	900.000.000	900.000.000
15	Hệ thống cấp khí sạch AHU (phần xây lắp)	HT	1	800.000.000	800.000.000
16	Hệ thống cấp khí y tế (phần xây lắp)	HT	1	1.000.000.000	1.000.000.000
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ				63.280.600.000

Bảng 2

Tổng mức đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện Đa khoa huyện Ia H'Drai

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	SAU THUẾ	CÁCH TÍNH
I	Chi phí xây dựng	63.280.600.000	6.328.060.000	69.608.660.000	Bảng 1
II	Chi phí thiết bị	18.980.000.000	1.898.000.000	20.878.000.000	Gtb
III	Chi phí quản lý dự án	1.745.158.629	174.515.863	1.919.674.000	(Gxd+Gtb)* 2,1215%
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	4.331.064.831	433.106.483	4.764.171.000	Gtv1+...+Gtv15
1	CP lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	71.135.142	7.113.514	78.248.656	TT=30% CPlập BCNC tiền khả thi
2	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	502.612.266	50.261.227	552.873.493	(Gxd+Gtb)* 0,611%
3	Chi phí khảo sát địa chất	115.887.498	11.588.750	127.476.248	3.1+3.2
3.1	Chi phí khảo sát	112.512.134	11.251.213	123.763.347	Dự toán chi tiết

3.2	Chi phí lập nhiệm vụ	3.375.364	337.536	3.712.900	Dự toán chi tiết
4	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công+ dự toán (công trình dân dụng, cấp III)	1.530.694.433	153.069.443	1.683.763.877	Gxd* 2,4189%
5	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	103.970.026	10.397.003	114.367.028	Gxd* 0,1643%
6	CP thẩm tra dự toán xây dựng công trình	100.679.435	10.067.943	110.747.378	Gxd* 0,1591%
7	Chi phí thẩm tra thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư	64.204.398	6.420.440	70.624.838	(Gxd+Gtb)* 0,1115%*0.7
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng CT	1.441.721.910	144.172.191	1.585.894.101	Gxd* 2,2783%
9	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	136.466.200	13.646.620	150.112.820	Gtb*0,719%
10	Lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp	111.943.381	11.194.338	123.137.720	Gxd* 0,1769%
11	Lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu thiết bị	66.733.680	6.673.368	73.407.048	Gtb* 0,3516%
12	Lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu TV thiết kế BVTC	11.544.497	1.154.450	12.698.947	Gtv4* 0,7542%
13	Lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu TV giám sát	11.021.964	1.102.196	12.124.160	Gtv8* 0,7645%
14	Thẩm định giá thiết bị	47.450.000	4.745.000	52.195.000	Gtb*0,25%
15	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	15.000.000	1.500.000	16.500.000	TT
V	Chi phí khác	844.221.555	51.087.834	895.309.000	Gk1+...+Gk13
1	Lệ phí thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	4.677.867		4.677.867	30%CP TĐ BCNC tiền khả thi
2	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu XL (Nghị định 63/2014)	63.280.600	6.328.060	69.608.660	Gxd*(0,05% +0,05%)
3	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu TB (Nghị định 63/2014)	18.980.000	1.898.000	20.878.000	Gtb*(0,05% + 0,05%)
4	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu TV TKBVTC (Nghị định 63/2014)	2.000.000	200.000	2.200.000	Gtv5*(0,05% +0,05%) >=2.000.000
5	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu TVGS (Nghị định 63/2014)	2.000.000	200.000	2.200.000	Gtv9*(0,05% +0,05%) >=2.000.000
6	Phí thẩm định thiết kế BVTC của cơ quan nhà nước (TT 210/2016/TT-BTC)	19.616.986		19.616.986	Gxd*0,031%

7	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình của cơ quan nhà nước (TT 210/2016/TT-BTC)	18.984.180		18.984.180	Gxd*0,03%
8	Lệ phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi (TT 209/2016/TT-BTC)	15.592.892		15.592.892	TMĐT* 0,0159%
9	Phí bảo hiểm công trình	82.260.600	8.226.060	90.486.660	Gxd*0,1%
10	Chi phí kiểm toán	342.357.137	34.235.714	376.592.851	TMĐT* 0,3491%
11	CP thẩm tra, phê duyệt quyết toán	111.454.851		111.454.851	TMĐT*0,22 84%*0,5
12	Phí thẩm duyệt PCCC	5.197.631		5.197.631	TMĐT* 0,0053%
13	Phí nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	157.818.811		157.818.811	10%*(Gsgxd +Ggstb)
VI	Chi phí dự phòng			14.709.872.100	1+2
1	CP dự phòng khối lượng cho công việc phát sinh (Theo TT/09/2019/TT-BXD)			9.806.581.400	(Gxd+Gtb+Gql+Gtv+Gk)*10%
2	CP dự phòng khối lượng cho yếu tố trượt giá			4.903.290.700	(Gxd+Gtb+Gql+Gtv+Gk)*5%
	Tổng cộng			112.775.686.100	

(Tổng mức đầu tư trên chưa tính tiết kiệm 10% tổng mức đầu tư dự án theo Nghị quyết 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ)

8. Phân tích, đánh giá sơ bộ về tác động môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội.

a) Phân tích, đánh giá sơ bộ về tác động môi trường, xã hội:

- Là công trình y tế, nằm trong khu dân cư có tác động môi trường, xã hội; vì vậy trong quá trình lập Dự án đầu tư, chủ đầu tư đã thuê tư vấn khảo sát, lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Công trình nằm trung tâm địa bàn khu dân cư, việc vệ sinh môi trường trong khu vực thi công là rất cần thiết.

- Bao bọc cách ly công trình bằng hàng rào tấm nhựa, tôn.

- Xe chuyên chở vật liệu vào công trình thi công phải có bạt che chắn tránh rơi vãi, bụi bẩn khu vực xung quanh, về mùa khô phải tưới nước để chống bụi.

- Các công tác khác phải chú trọng đảm bảo vệ sinh cho công nhân thi công. Thường xuyên nhắc nhở công nhân đeo khẩu trang khi tiếp xúc những việc có nhiều bụi.

- Bố trí công trình tạm phải hợp lý, khu bếp ăn của công nhân phải cách xa khu làm việc. Bố trí khu vệ sinh cho công nhân ở cuối hướng gió xa khu dân cư.

b) Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:

Đây là công trình phúc lợi xã hội; Bệnh viện Đa khoa huyện Ia H'Drai xây dựng hoàn thành đưa vào hoạt động, đảm bảo triển khai các kỹ thuật chuyên sâu, đảm bảo công suất giường bệnh cho khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn. Tạo điều kiện cho người dân trong khu vực giảm được nhiều chi phí đi lại, ăn ở khi khám và chữa bệnh ở tuyến trên.

9. Phân chia các dự án thành phần: Dự án này không phân chia dự án thành phần.

10. Các giải pháp tổ chức thực hiện.

- Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành.
- Phương thức tổ chức thực hiện: Theo quy định hiện hành.
- Giải pháp về kết cấu các hạng mục chính của công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và biện pháp thi công thực hiện đúng các hướng dẫn, và các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng công trình.

*** Ghi chú: Báo cáo này đã được hoàn thiện lại theo:**

- Luật Đầu tư công mới năm 2019; Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các văn bản hướng dẫn.

- Đã được tiếp thu và chỉnh sửa lại theo ý kiến của góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 1263/SKHĐT-TH ngày 05/7/2019 và Sở Xây dựng tại Văn bản số 941/SXD-PTĐTHTKT ngày 02/7/2019.

Sở Y tế kính trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Đào Duy Khánh